

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 29 - 5 - 2018

V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Lắm

Ông Đoàn Quốc Thống

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Lua, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐST - HNGĐ ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1982
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh L, sinh năm 1976
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh L và chị N kết hôn năm 2002, năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, giữa anh và chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, nguyên nhân do anh L thường hay tụ tập ăn nhậu rồi về gây chuyện với chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thấy không thể nào có cuộc sống chung và hạnh phúc, không còn tình cảm thương yêu vợ chồng, nay chị N yêu cầu được ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn.

Con chung: Y, sinh ngày 26/3/2003 và D, sinh ngày 27/9/2005 hiện đang sống chung với anh chị, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tài sản chung: Chị N, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Nợ chung: Chị N, anh L xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L không đến; theo quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Hôn nhân*: Chị N và anh L kết hôn năm 2002, năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh hôn nhân tự nguyện. Do mâu thuẫn vợ chồng, nay chị N xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa chị N xác định, mặc dù anh chị còn sống chung trong một nhà nhưng anh chị không còn quan tâm chăm sóc lo lắng gì đến nhau đã hơn 01 năm nay. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không còn lo lắng cho nhau là do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh L suốt ngày rượu chè say sưa không lo lắng gì cho gia đình, không quan tâm gì đến cuộc sống vợ con. Càng nghiêm trọng hơn anh L uống rượu về là gây gổ kiếm chuyện chửi mắng vợ con. Vấn đề này đã được cha mẹ hai bên khuyên nhủ nhiều lần anh L hứa hẹn nhiều lần nhưng chứng nào tật nấy không sửa được. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cách nay khoảng 05 đến 06 năm, chị cố gắng chịu đựng nhưng nay xét thấy không còn tình cảm thương yêu, không thể nào có hạnh phúc nên chị quyết định xin ly hôn.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh L có ý kiến cho rằng, anh còn thương vợ con. Anh L cho rằng muốn đoàn tụ nhưng anh L không đến Tòa án để phối hợp cùng Tòa án tìm ra biện pháp hữu hiệu nhất để hòa giải những mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, hàn gắn những rạn nứt trong tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh L cũng không tha thiết muốn đoàn tụ, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] *Con chung*: Y, sinh ngày 26/3/2003 và D, sinh ngày 27/9/2005 hiện đang sống chung với anh chị, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Con từ đủ 07 tuổi trở lên giao con cho ai nuôi phải xem xét đến nguyện vọng của con. Y và D đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng; chị N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, giao Y và D cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Tài sản chung*: Chị N, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Anh L, chị N xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị N phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 1 Điều 57; khoản 2 Điều 81 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 điều 227; khoản 4 điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị N, chị N ly hôn với anh L.

- *Con chung*: Giao Y, sinh ngày 26/3/2003 và D, sinh ngày 27/9/2005 cho chị N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân* chị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011839 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Nguyễn Phích;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Miến